

Bản án số: 16/2025/KDTM-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v “T/c Hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa và bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 423/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2025/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (gọi tắt P). Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trụ sở: Số B N, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N, chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và T cấu trúc Tài sản. Địa chỉ: Số B đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020)

Người được ủy quyền lại:

+ Ông Lê Tiến Đ, chức vụ: Phó Giám đốc QL – K. (ĐT 0943739739)

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ D, chức vụ: Chuyên viên tố tụng. (ĐT 0779885563)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A đường T, phường N, Thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy ủy quyền số 2424/UQ-PVB ngày 19/5/2025)

+ **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn D1, sinh năm 1960 (đại diện hộ kinh doanh Huỳnh Văn D1) và bà Võ Thị Thu V, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Số A khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang.

(có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2025 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1, do bà Huỳnh Thị Mỹ D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V cùng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh A1 – P1 (P) đã ký kết Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 (“Hợp đồng tín dụng”) cùng khế ước nhận nợ như sau:

+ Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022; hạn mức cho vay: 2.000.000.000đ; thời gian cho vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 20/8/2022; mục đích sử dụng vốn vay: vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán phụ tùng xe; phương thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ, lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu vào ngày 25/9/2022; lãi suất: Từ ngày 20/8/2022 đến ngày 19/11/2022 lãi suất bằng 11,5%/năm; từ ngày 20/11/2022, lãi suất điều chỉnh 03 tháng 01 lần, LSCS + Biên độ 3,5%/năm.

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 hạn mức thẻ tín dụng: 50.000.000đ; thời hạn thẻ là 36 tháng; lãi suất là 25%/năm được điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/PVB – CN.LX ngày 10/02/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 244/2022/HĐBĐ/PVB – CN.LX ngày 19/08/2022, cụ thể như sau:

1/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/PVB – CN.LX ngày 10/02/2022:

Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 76, Tờ bản đồ số: 21
- Địa chỉ: phường M, TP ., tỉnh An Giang.
- Diện tích: 84 m²
- Mục đích: Đất ở tại đô thị.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài
- Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Nhà ở:

- Loại nhà ở: Riêng lẻ
- Diện tích xây dựng: 75,2 m²
- Diện tích sàn: 75,2 m²
- Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng
- Cấp (hạng): Loại 3.1

Chiều theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 986183 số vào sổ cấp GCN: CS08986 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 21/08/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 15/06/2021.

Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L1 ngày 10/02/2022.

2/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 244/2022/HĐBĐ/PVB – CN.LX ngày 19/08/2022:

Quyền sử dụng đất:

- Thừa đất số: 12, Tờ bản đồ số: 39
- Địa chỉ: Xã K, huyện C, tỉnh An Giang.
- Diện tích: 674,1 m²
- Mục đích: Đất trồng cây lâu năm.
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 23/04/2052.
- Nguồn gốc: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Chiều theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 383632 số vào sổ cấp GCN: CS09427 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 17/10/2019.

Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh C ngày 19/08/2022.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. P đã gửi thông báo, công văn và làm việc trực tiếp yêu cầu ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho P xử lý theo đúng quy định nhưng ông, bà không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đã trả cho P số tiền cụ thể như sau:

- Tổng nợ gốc: 331,836 đồng.
- Tổng nợ lãi: 245.244.738 đồng

Tổng cộng: 245.576.574 đồng

Dư nợ tạm tính đến ngày 25/9/2025 của khoản vay ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V như sau:

1/ Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB – CN.LX ngày 19/08/2022

- Tổng nợ gốc: 1.999.668.164 đồng
- Tổng nợ lãi: 906.343.651 đồng

Tổng cộng: 2.906.009.815 đồng

2/ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022

- Hạn mức : 50.000.000 đồng

- Thời hạn thẻ : 36 tháng
- Dư nợ : 54.508.836 đồng

P khởi kiện ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề như sau:

1. Buộc ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V thanh toán cho P tổng số tiền 2.906.009.815 đồng, bao gồm 1.999.668.164 đồng nợ gốc, 906.343.651 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 25/9/2025). Ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/08/2022 cho đến khi ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V thanh toán xong các khoản nợ.

2. Buộc ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V thanh toán cho P tổng số tiền nợ vay thẻ tín dụng là 54.508.836 đồng (tạm tính đến ngày 25/9/2025). Ông ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 theo lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 cho đến khi ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V thanh toán xong các khoản nợ.

3. Nếu ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P sẽ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là tài sản hợp pháp của ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 10/02/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 244/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 19/08/2022.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đối với P. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P.

- Bị đơn là bà Võ Thị Thu V trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/7/2025: Bà V thừa nhận bà và ông D1 có ký hợp đồng tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bà V chưa thống nhất với lãi suất của P.

Ngày 06/8/2025, ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V có đơn xin xét giảm lãi và cam kết trả nợ với nội dung: Ông, bà thừa nhận hiện nay còn nợ vốn và lãi như yêu cầu khởi kiện của P. Tuy nhiên, quá trình thanh toán, ông D1 và bà V nhận thấy lãi suất phát sinh ngày càng tăng cao vượt quá mức khả năng tài chính của ông, bà vào thời điểm hiện tại. Vì vậy ông, bà yêu cầu xem xét giảm lãi suất phù hợp với khả năng tài chính và cam kết sẽ trả gốc trong 10 năm từ năm 2026 đến năm 2036.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Mỹ D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

*** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:**

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*** Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:**

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

- Nguyên đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* **Ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Ngày 12/6/2025, Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang thụ lý vụ án dân sự giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 với ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn xác định bị đơn có đăng ký kinh doanh mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy và mục đích vay là bổ sung vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán phụ tùng xe nên được xem là tranh chấp kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại số A khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Mỹ D tham gia tố tụng, thủ tục ủy quyền hợp lệ, phù hợp với Điều 85 và Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận bà D tham gia tố tụng

với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.3] Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Võ Thị Thu V với ông Huỳnh Văn D1 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh A1 – P1 Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022; hạn mức cho vay: 2.000.000.000đ; thời gian cho vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 20/8/2022; mục đích sử dụng vốn vay: vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán phụ tùng xe; phương thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ, lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu vào ngày 25/9/2022; lãi suất: Từ ngày 20/8/2022 đến ngày 19/11/2022 lãi suất bằng 11,5%/năm; từ ngày 20/11/2022, lãi suất điều chỉnh 03 tháng 01 lần, LSCS + Biên độ 3,5%/năm và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 hạn mức thẻ tín dụng: 50.000.000đ; thời hạn thẻ là 36 tháng; lãi suất là 25%/năm được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên P khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Thu V với ông Huỳnh Văn D1 có trách nhiệm trả cho P tổng số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 25/9/2025 như sau: đối với Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022 là 2.906.009.815 đồng. Trong đó vốn gốc là 1.999.666.164đ; lãi trong hạn là 20.712.330đ; lãi quá hạn: 881.284.569đ; lãi chậm trả là 4.346.752đ; đối Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 là 54.508.836đ; vốn gốc: 21.223.351đ và lãi 33.285.485đ.

[2.2] Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đã thế chấp hai phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 383632 số vào sổ cấp GCN: CS09427 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 17/10/2019 và phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 986183 số vào sổ cấp GCN: CS08986 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 21/08/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 15/06/2021.

[2.3] Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 giữa P với ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với Điều 17 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N1 ban hành và Luật tổ chức tín dụng năm 2010 cho nên hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý. Bà V và ông D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng là vi phạm thỏa thuận đã giao kết nên phải chịu hậu quả theo giao kết trong hợp đồng giữa hai bên, hơn nữa trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án phía bị đơn thừa nhận có ký các hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu được giảm lãi và trả dần tiền vốn trong 10 năm nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Từ những

phân tích và nhận định nêu trên, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn và lãi theo Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 còn nợ là có cơ sở và phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và điểm b khoản 2 Điều 118 Luật tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.5] Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi mà bà Võ Thị Thu V và ông Huỳnh Văn D1 phải có trách nhiệm thanh toán cho P tạm tính đến ngày 25/9/2025 như sau: đối với Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022 là 2.906.009.815 đồng. Trong đó vốn gốc là 1.999.666.164đ; lãi trong hạn là 20.712.330đ; lãi quá hạn: 881.284.569đ; lãi chậm trả là 4.346.752đ; đối Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 là 54.508.836đ; vốn gốc: 21.223.351đ và lãi 33.285.485đ. Ông D1 và bà V còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi phạt, phí phạt theo các Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông, bà thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.6] Trường hợp ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P sẽ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo của ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 10/02/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 244/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 19/08/2022 đối với hai phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 383632 số vào sổ cấp GCN: CS09427 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 17/10/2019 và phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 986183 số vào sổ cấp GCN: CS08986 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 21/08/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 15/06/2021. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn 3.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 227; Điều 228, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 317, Điều 318, Điều 319; Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1. Buộc bà Võ Thị Thu V và ông Huỳnh Văn D1 phải có trách nhiệm thanh toán cho P tạm tính đến ngày 25/9/2025 như sau: đối với Hợp đồng cho vay số 244/2022/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 19/8/2022 là 2.906.009.815 đồng. Trong đó vốn gốc là 1.999.666.164đ; lãi trong hạn là 20.712.330đ; lãi quá hạn: 881.284.569đ; lãi chậm trả là 4.346.752đ; đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/02/2022 là 54.508.836đ. Trong đó vốn gốc: 21.223.351đ và lãi 33.285.485đ.

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2025), bà Võ Thị Thu V và ông Huỳnh Văn D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Trường hợp ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P sẽ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là tài sản hợp pháp của ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 10/02/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 244/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 19/08/2022 đối với hai phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 383632 số vào sổ cấp GCN: CS09427 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 17/10/2019 và phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 986183 số vào sổ cấp GCN: CS08986 do Sở TN & MT tỉnh A cấp ngày 21/08/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 15/06/2021. Trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại tại P.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V phải chịu 91.210.373đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền 43.538.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003049 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 9 – Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

+ Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn D1 và bà Võ Thị Thu V có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền 3.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

+ Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA tỉnh AG;
- VKS cùng cấp
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đức A